

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Số.....

Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ủy quyền ký các văn bản liên quan thuộc lĩnh vực biển và hải đảo theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Phiếu trình số 329/PT-BHĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;

Căn cứ ý kiến góp ý của Bộ Quốc phòng tại Công văn số 2352/BQP-TM ngày 11 tháng 4 năm 2026, Cục An ninh Kinh tế (Bộ Công an) tại Công văn số

7384/ANKT-P8 ngày 29 tháng 4 năm 2026, Bộ Xây dựng tại Công văn số 5481/BXD-KHCNMT&VLXD ngày 13 tháng 4 năm 2026 và Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long tại Công văn số 5304/UBND-KTN ngày 28 tháng 4 năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng thẩm định Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển của Dự án “Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (công trình thực hiện năm 2025 - 2026 - 2027 - 2028)”;

Xét đề nghị của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tại Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển ngày 12 tháng 3 năm 2026; Dự án nhận chìm ở biển được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Công văn số 2944/CHHĐTVN-KHCNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm:
 - a) Tên chất nhận chìm: Chất nạo vét;
 - b) Khối lượng chất nhận chìm: 7.330.383 m³ (được phê duyệt tại Quyết định số 2399/QĐ-BXD ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng);
 - c) Thành phần của chất nhận chìm: Bùn, sét, cát. Chất nhận chìm không chứa chất phóng xạ, chất độc, chất thải nguy hại vượt quy chuẩn an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
2. Địa điểm khu vực nhận chìm: Tại khu vực biển phường Duyên Hải, tỉnh Vĩnh Long.
3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là 240 ha, được giới hạn bởi 04 điểm góc có tọa độ cụ thể (1, 2, 3, 4), độ sâu được phép sử dụng từ 23,9 m đến 24,6 m (Hệ cao độ Quốc gia), được thể hiện chi tiết trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Giấy phép này.
4. Phương tiện, thiết bị nhận chìm: tàu hút bụng tự hành loại lớn (công suất >5945 CV, 04 tàu), tàu hút bụng tự hành loại nhỏ (công suất >1390 CV, 08 tàu), máy đào gầu dây (công suất 60m³/giờ, 44 máy), sà lan vận chuyển (công suất <3500T, 44 sà lan), khối lượng chất nhận chìm tối đa là 67.000 m³/ngày; nhận chìm vật, chất nạo vét theo hình thức xả đáy.
5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường: chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.
6. Thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm là 36 tháng kể từ ngày Giấy phép nhận chìm ở biển có hiệu lực (không thi công nhận chìm ở biển trong điều kiện thời tiết có bão, thời gian thi công nhận chìm cụ thể được nêu trong Dự án nhận chìm ở biển).

Điều 2. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển và các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật; bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, phục hồi môi trường do hoạt động nhận chìm gây ra.

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam và các cơ quan có liên quan làm cơ sở cho việc theo dõi, kiểm tra, giám sát.

3. Thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm, sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và trong Dự án nhận chìm ở biển; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, đảm bảo an toàn lao động, an toàn hàng hải, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện hoạt động nhận chìm.

Trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn hoặc nhận chìm không đúng vị trí hoặc không đúng thành phần của chất nhận chìm theo Điều 1 Giấy phép này hoặc khối lượng bị hao hụt trong quá trình vận chuyển chất nhận chìm hoặc một trong các thông số giám sát môi trường vượt giới hạn cho phép thì phải dừng ngay hoạt động nhận chìm và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, khắc phục sự cố; đồng thời báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thi công nạo vét, nhận chìm ở biển, trường hợp phát hiện có khoáng sản phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định; không được mua bán, chuyển nhượng, tiêu thụ hoặc sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp hoặc mục đích khác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật, chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gồm: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải đối với hoạt động thi công nạo vét, vận chuyển, đổ chất nạo vét tại vị trí được cấp phép nhận chìm, trình

Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ xem xét, phê duyệt trước khi tổ chức triển khai dự án; thực hiện thi công nạo vét, vận chuyển, nhận chìm chất nạo vét đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác trong khu vực; chấp hành đúng quy định về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ, không để ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

7. Thực hiện các nghĩa vụ cụ thể như sau:

a) Chấp hành quy định của pháp luật về quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, pháp luật về đa dạng sinh học, pháp luật về thủy sản; thực hiện đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm ở biển; bảo đảm tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, đánh giá và các kết quả tính toán nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển. Chịu trách nhiệm về kết quả tính toán khối lượng vật, chất nạo vét đề nghị nhận chìm;

b) Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động nhận chìm trong suốt quá trình nhận chìm ở biển;

c) Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên hợp pháp ở biển của tổ chức, cá nhân khác;

d) Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động thi công nạo vét và nhận chìm ở biển khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

đ) Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái khu vực nạo vét, nhận chìm.

Các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm phải được thực hiện theo các nội dung trong Dự án nhận chìm ở biển và theo các yêu cầu tại Giấy phép này;

e) Thực hiện việc quan trắc, giám sát môi trường biển và chế độ thông tin, báo cáo về hoạt động nhận chìm như sau:

- Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển; hằng tháng và sau khi kết thúc nhận chìm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhận chìm, quan trắc, giám sát môi trường về Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long và các cơ quan liên quan.

- Thực hiện giám sát vị trí, hành trình, khối lượng chất nhận chìm theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

- Định kỳ phân tích thành phần chất nhận chìm để đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, không chứa chất phóng xạ, chất độc vượt quy chuẩn kỹ thuật an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường (thông số phân tích theo quy định của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT và Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT).

g) Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, tràn dầu, cháy nổ, mất an toàn lao động và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động thi công nạo vét và nhận chìm ở biển không đúng quy định của mình gây ra; phối hợp với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư có sinh kế bị ảnh hưởng bởi hoạt động nhận chìm lập phương án đền bù và thực hiện hỗ trợ thỏa đáng, tạo sự đồng thuận từ chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro môi trường gây thiệt hại tới cộng đồng dân cư và môi trường tự nhiên do quá trình thực hiện thi công nạo vét và nhận chìm ở biển gây ra.

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam theo quy định của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chỉ được phép tiến hành nhận chìm ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Đặng Ngọc Điệp (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: QP, CA, NG, XD;
- Bộ NN&MT: Văn phòng Bộ, Cục Môi trường, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
- UBND tỉnh Vĩnh Long, Sở NN&MT tỉnh Vĩnh Long;
- Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Vĩnh Long;
- Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- UBND phường Duyên Hải, tỉnh Vĩnh Long;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Lưu: HS, VT, BHD

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM**

Nguyễn Quốc Toàn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“CÔNG TRÌNH NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI CHO TÀU
BIỂN TRỌNG TẢI LỚN VÀO SÔNG HẬU (CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN
NĂM 2025 - 2026 - 2027 - 2028)”**

*(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số/GP-BNNMT ngày tháng ...
năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

1. Thông tin về Dự án

1.1 Thông tin chung

- Tên Dự án: Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (công trình thực hiện năm 2025 - 2026 - 2027 - 2028).

- Địa điểm thực hiện Dự án: Tuyến luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu theo hướng từ biển vào, trải dài từ phường Duyên Hải, tỉnh Vĩnh Long đến ngã ba Kênh Quan Chánh Bó và Sông Hậu thuộc xã Đại An, tỉnh Vĩnh Long.

- Chủ dự án: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Mục tiêu của Dự án là nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu đảm bảo chuẩn tắc luồng phục vụ tàu thuyền hành hải trên tuyến luồng. Dự án nằm trong Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải năm 2026 của Bộ Xây dựng, được phê duyệt tại Quyết định số 2399/QĐ-BXD ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng.

1.2. Quy mô, công suất

- Khu vực nạo vét tại 07 đoạn luồng bao gồm: đoạn 1 (đoạn luồng biển); đoạn 2 (đoạn luồng kênh Tắt); đoạn 3A (đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó từ kênh Tắt đến trụ tiêu số “39”); đoạn 3B (đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó từ trụ tiêu số “39” tới trụ tiêu số “41”); đoạn 3C (đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó từ trụ tiêu số “41” đến phà Láng Sắt); đoạn 3D: đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó từ phà Láng Sắt đến Sông Hậu; đoạn 4 (đoạn luồng sông Hậu).

- Tổng khối lượng vật chất nạo vét và nhận chìm ở biển là: 7.322.370,44 m³ (theo phê duyệt tại Quyết định số 2399/QĐ-BXD ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng). Chuẩn tắc thiết kế của tuyến luồng như sau: cao độ đáy luồng $H = -6,5$ m (hệ cao độ Hải đồ), bề rộng đáy luồng $B = 70$ m, mái dốc nạo vét $m = 4 \div 6$ m. Toàn bộ chất nạo vét sẽ được nhận chìm ở biển. Thời gian thi công: Năm 2026 khoảng 92 ngày kể từ thời điểm bắt đầu nạo vét. Các năm 2027, 2028 thời gian thi công mỗi năm được chia thành 02 đợt, với tổng thời gian khoảng 90 ngày/năm.

- Khu vực nhận chìm có diện tích khoảng 240 ha, nằm trong khu vực được quy hoạch làm vị trí nhận chìm cho công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải sông Hậu hàng năm và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long) chấp thuận tại văn bản số 2880/UBND-NN ngày 23 tháng 5 năm

2025 về việc vị trí đồ chất nạo vét duy tu luồng hàng hải sông Hậu cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu năm 2025-2028; được giới hạn bởi các điểm có tọa độ khép góc như sau:

Bảng 1. Tọa độ khống chế khu vực nhận chìm

Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000	
	Kinh tuyến trực (KTT) 105°30', múi chiều 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1047649,82	626236,21
2	1049064,27	627650,56
4	1048215,66	628499,24
3	1046801,21	627084,88

1.3. Công nghệ thi công

- Thực hiện nạo vét bằng máy đào gầu dây và tàu hút bụng tự hành tại các vị trí cần nạo vét, đảm bảo chuẩn tắc trên tuyến luồng; vận chuyển chất nạo vét đến vị trí nhận chìm và nhận chìm bằng hình thức xả đáy (sử dụng tàu hút bụng và sà lan xả đáy). Thi công theo hình thức cuốn chiếu từng đoạn, thứ tự bắt đầu từ các đoạn luồng trên kênh Quan Chánh Bó, đoạn luồng sông Hậu, đoạn luồng biển và đoạn luồng kênh Tắt. Nạo vét từng bên của tuyến luồng nhằm bảo đảm không cản trở hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông thủy.

- Phương tiện chính sử dụng bao gồm:

- + 08 tàu hút bụng tự hành loại nhỏ, công suất >1390CV;
- + 04 tàu hút bụng tự hành loại lớn, công suất >5945CV;
- + 44 máy đào gầu dây, công suất 60 m³/giờ;
- + 44 sà lan xả đáy phục vụ vận chuyển chất nạo vét trọng tải từ 400T đến 3.500T.

(Số lượng phương tiện huy động thực tế theo từng năm và từng đợt thi công theo kế hoạch được duyệt; bao gồm cả phương tiện dự phòng tối đa 25 phương tiện/năm và tối đa 20 phương tiện dự phòng cho trường hợp đẩy nhanh tiến độ)

- Năng suất nhận chìm tối đa: 67.000 m³/ngày.

1.4. Phạm vi

- Các hoạt động của Dự án được đánh giá tác động môi trường bao gồm:

- + Hoạt động tập kết thiết bị phục vụ thi công.
- + Hoạt động nạo vét trên tuyến luồng như tại Mục 1.2 nêu trên.
- + Hoạt động vận chuyển chất nạo vét từ các vị trí nạo vét đến khu vực nhận chìm.
- + Hoạt động nhận chìm ở biển chất nạo vét.

- Dự án không có hạng mục công trình phụ trợ; không thiết lập âu chứa tạm vật, chất nạo vét; không bố trí bãi chứa tạm thời vật chất nạo vét và không bố trí lán trại, công trường thi công.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động nạo vét và nhận chìm chất nạo vét ở biển làm gia tăng độ đục và lan truyền TSS, tác động tới hoạt động lấy nước nuôi trồng thủy sản và chất lượng nước biển.

- Hoạt động tập kết máy móc, thiết bị thi công; hoạt động của các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm và vận chuyển phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải tác động tới chất lượng môi trường không khí.

- Hoạt động của công nhân trên các phương tiện thi công...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công:

- + Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh khoảng 5,6 – 15,4 m³/ngày.

- + Nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển chất nạo vét. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị: Hoạt động tập kết các phương tiện thi công phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Giai đoạn thi công: Hoạt động của các phương tiện nạo vét, vận chuyển chất nạo vét đi nhận chìm phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

- Giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh chất thải rắn.

- Giai đoạn thi công: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của các công nhân tham gia thi công với khối lượng khoảng 0,5 – 6,5 kg/ngày/phương tiện thi công. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, vỏ chai lọ, giấy báo, túi ni lông...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh chất thải nguy hại.

- Giai đoạn thi công: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành các máy móc, thiết bị, vệ sinh máy móc với khối lượng khoảng 0,2 – 0,75 kg giẻ lau dính dầu/phương tiện thi công.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn chuẩn bị: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động tập kết, vận hành thử phương tiện, thiết bị thi công tác động tới các tàu, bè lưu thông trên tuyến luồng.

- Giai đoạn thi công: Tiếng ồn từ quá trình nạo vét, vận chuyển, nhận chìm của các phương tiện, thiết bị tham gia thi công tác động tới các tàu, bè lưu thông trên tuyến luồng.

3.4. Các tác động khác

- Suy giảm chất lượng nước, gia tăng độ đục cục bộ tại các vị trí nạo vét của tuyến luồng và khu vực nhận chìm, tác động tới đời sống của các sinh vật trong khu vực và hoạt động lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản của người dân địa phương tại một số vị trí trên tuyến luồng (tại các điểm giao nhau giữa kênh Quan Chánh Bó và sông Đường Cống, sông Cây Xoài thuộc xã Ngũ Lạc; kênh La Bang thuộc xã Đôn Châu; rạch Bàu Xấu thuộc xã Đôn Châu; kênh Xèo Bọng thuộc xã Long Vĩnh, sông Khoen thuộc xã Đôn Châu).

- Rủi ro xói lở, bồi lắng tại 02 bên bờ khu vực nạo vét do hoạt động nạo vét trên tuyến luồng.

- Sự cố môi trường do cháy, nổ, tràn dầu, tai nạn giao thông thủy, chìm tàu thuyền, thiết bị,... và từ việc vận hành các phương tiện tham gia thi công, thay dầu, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: sử dụng các phương tiện thi công có trang bị nhà vệ sinh, két chứa để chứa nước thải sinh hoạt (dung tích theo thiết kế của nhà sản xuất, tùy thuộc vào công suất của phương tiện). Định kỳ, các phương tiện thi công sẽ cập bờ, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ nước thải từ các thiết bị và vận chuyển mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển chất nạo vét: thường xuyên kiểm tra các đường ống hút bùn, cát, để phòng hư hỏng gây rò rỉ, rơi vãi bùn cát; các tàu hút, tàu xả đáy không được chứa quá đầy vật chất nạo vét (không quá 90% thể tích khoang) để tránh nước ô nhiễm rò rỉ vào tuyến luồng, làm đục nguồn nước.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng đúng chủng loại, công suất, số lượng phương tiện và thiết bị trong thi công sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi

trường theo quy định.

- Trang bị cho công nhân các thiết bị bảo hộ lao động (khẩu trang, găng tay và các thiết bị an toàn cá nhân khác).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy để thu gom, phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt trên mỗi phương tiện tham gia thi công. Quy định công nhân tham gia thi công có trách nhiệm bỏ chất thải rắn sinh hoạt vào thùng chứa chất thải rắn trên phương tiện, không xả thải ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt trên phương tiện trong thời gian thi công; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng trên địa bàn thi công để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, đảm bảo lưu giữ an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn theo quy định trên từng phương tiện thủy tham gia thi công.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trên phương tiện thi công; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, mang đi xử lý theo quy định khi các phương tiện thi công cập bờ.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.

- Chủ dự án thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong các giai đoạn của Dự án như đã đề xuất trong nội dung báo cáo dự án nhận chìm ở biển đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ

rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giảm thiểu sự lan truyền chất nạo vét; giảm thiểu tác động tiêu cực tới chất lượng nước mặt, nước biển

- Sử dụng tàu đào gàu dây có đáy gàu kín để tránh thất thoát bùn cát làm tăng độ đục, đồng thời chỉ sử dụng tàu đào gàu dây tại các vị trí có độ sâu nhỏ mà thiết bị tàu hút lớn không thi công được. Không thi công vào ngày có mưa gió lớn.

- Các phương tiện vận chuyển chất nạo vét phải bảo đảm có ngăn chứa kín, chuyên chở đúng tải trọng cho phép để hạn chế tình trạng rơi vãi chất nạo vét; không đổ thải trên tuyến đường di chuyển; bố trí thời gian vận chuyển và nhận chìm chất nạo vét hợp lý để tránh các va chạm gây tai nạn trên đường hàng hải; không xả nước la canh, không thải rác thải sinh hoạt trên tuyến vận chuyển.

- Thi công nhanh chóng và gọn, thực hiện đúng tiến độ.

- Thực hiện việc giám sát vị trí, hành trình, khối lượng đối với các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm; lắp đặt thiết bị AIS (thiết bị tự động nhận dạng), camera và máy ảnh trên các tàu, sà lan để giám sát trực tiếp hành trình vận chuyển và định vị chính xác vị trí nhận chìm, đảm bảo kiểm soát việc nhận chìm đúng vị trí. Giám sát liên tục đối với từng chuyến tàu nhận chìm chất nạo vét. Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ giám sát hành trình tàu nhận chìm thông qua thiết bị tự động nhận dạng.

- Tiến hành kiểm tra độ sâu đáy luồng, thu dọn công trường, di chuyển các thiết bị thi công nạo vét, các phao tín hiệu, biển báo tạm, các chướng ngại vật (nếu có) phát sinh trong quá trình thi công.

- Chỉ thực hiện nhận chìm vào thời điểm có điều kiện thời tiết phù hợp, không tiến hành vận chuyển và nhận chìm chất nạo vét vào những ngày biển động và có mưa bão lớn.

- Thực hiện quá trình nhận chìm ở biển theo đúng vị trí quy định. Nhằm đảm bảo lớp vật liệu được trải đều trên toàn bộ diện tích được cấp phép, tiến hành nhận chìm lần lượt theo 03 phân khu cho từng năm 2026, năm 2027 và năm 2028 (80 ha/phân khu/năm) tại khu vực nhận chìm.

- Khi xả chất nạo vét xuống khu vực biển phải xác định đúng vị trí, tốc độ mở cửa xả hợp lý để giảm phát tán chất lơ lửng. Thực hiện xả đáy nhận chìm chất nạo vét theo từng lớp, tránh hiện tượng tạo địa hình lồi lõm cho đáy biển. Sau khi hết thời gian nhận chìm chất nạo vét, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhận chìm, quan trắc, giám sát môi trường của Dự án tới cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện nghiêm chỉnh việc nhận chìm ở biển theo đúng quy định của Luật Tài nguyên, Môi trường Biển và Hải đảo và các quy định khác có liên quan; áp dụng biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá

trình thi công, vận chuyển, nhận chìm, đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam và Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT.

4.4.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ, tràn dầu, rò rỉ dầu vào môi trường nước sông, nước biển

- Thường xuyên kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu để ngăn chặn và thu hồi.

- Các phương tiện nạo vét, vận chuyển được trang bị vật liệu thấm dầu: giẻ lau, thùng chứa... để thu gom dầu rơi vãi. Không thải đổ trực tiếp dầu mỡ, giẻ lau dính dầu xuống sông, biển.

- Không dùng nước để dội rửa phương tiện nạo vét, vận chuyển có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi, dùng giẻ lau chùi và thấm hút dầu mỡ, sau đó thu gom giẻ dính dầu mỡ vào thùng đựng chất thải nguy hại.

- Thực hiện các biện pháp che chắn mưa an toàn cho những vị trí thường hay rơi vãi dầu nhớt.

- Bố trí đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC) và ứng phó sự cố tràn dầu; định kỳ tập huấn cho công nhân về công tác PCCC và ứng phó sự cố tràn dầu.

- Sử dụng phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật về quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; bố trí gờ vây gom dầu cho kết chứa, máy, thiết bị, khu vực thay dầu bảo dưỡng,... có sử dụng/phát sinh dầu.

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trước khi thực hiện Dự án để phối hợp phòng ngừa, ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

4.4.3. Phòng ngừa ứng phó sự cố bồi lắng, xói lở đường bờ

- Tổ chức thi công theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định. Nạo vét đúng cao độ, độ dốc, chiều rộng đáy luồng theo thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ kế hoạch, thứ tự nạo vét cũng như kiểm tra, giám sát đúng theo thiết kế công trình được duyệt như phạm vi nạo vét $B = 70$ m, đảm bảo an toàn đường bờ, khu vực nạo vét không vượt biên luồng, cao độ, mái dốc, khối lượng nạo vét.... Thực hiện theo dõi, giám sát diễn biến đường bờ trong quá trình thi công để kịp thời phát hiện và có phương án xử lý kịp thời. Trường hợp phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra xói, lở đường bờ tại khu vực thi công phải tạm dừng ngay hoạt động nạo vét tại khu vực có liên quan, đồng thời báo cáo chính

quyền địa phương, cơ quan chức năng và các bên liên quan để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động và phương án xử lý, khắc phục sự cố; trong trường hợp cần thiết, điều chỉnh phương án và các thông số nạo vét phù hợp để đảm bảo giảm thiểu tác động tới đường bờ, kè, cảnh quan và môi trường.

- Không nạo vét tại các khu vực có dấu hiệu bị sạt lở, khu vực bờ sông không ổn định, có nguy cơ sạt lở theo hướng dẫn của địa phương.

4.4.4. Giảm thiểu tác động đến hoạt động lấy nước nuôi trồng thủy sản của người dân.

- Thông báo đến chính quyền địa phương về thông tin Dự án cũng như kế hoạch thi công của Dự án; kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để thống nhất thời gian lấy nước của người dân địa phương. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân trong suốt quá trình thi công để kịp thời có biện pháp điều chỉnh.

- Thi công nhanh, đúng tiến độ, đảm bảo không gây tác động kéo dài tới hoạt động lấy nước của người dân.

- Tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra chất lượng nước tại các vị trí lấy nước của người dân để dự báo các tác động trong quá trình thi công tới hoạt động lấy nước nuôi trồng thủy sản của cộng đồng dân cư địa phương, điều chỉnh hoạt động nạo vét khi cần thiết.

4.4.5. Giảm thiểu rủi ro dẫn tới các sự cố môi trường khác

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông thủy: thực hiện cắm phao báo hiệu khu vực thi công, nhận chìm; phân luồng tuyến đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền ra vào tuyến luồng. Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn giao thông trong điều tiết phương tiện thi công, phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ trong hoạt động điều tiết giao thông; tuân thủ quy tắc báo hiệu Hàng hải Việt Nam, quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định.

- Không gây mất an toàn cho các phương tiện thủy trong khu vực và thông báo cho các cơ quan liên quan khi có bất kỳ sự cố nào xảy ra để có kế hoạch ứng phó, khắc phục kịp thời.

- Các phương tiện liên quan đến việc nạo vét và vận chuyển chất nạo vét được bố trí đèn tín hiệu khi neo và khi di chuyển trên hành trình đến vị trí nhận chìm ở biển để không gây cản trở các phương tiện lưu thông trên luồng hàng hải ra vào cảng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 trong Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước

khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

a) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Tần suất giám sát: giám sát thường xuyên trong suốt thời gian thi công.

b) Giám sát chất lượng trầm tích

- Vị trí: 01 vị trí. Tại vị trí thi công nạo vét thuộc đoạn kênh Quan Chánh Bó (vị trí ngẫu nhiên thuộc khu vực tiếp giáp đoạn luồng sông Hậu).

- Tần suất: Thực hiện giám sát 01 lần khi thi công nạo vét luồng/năm.

- Số lượng: 01 mẫu/vị trí/lần quan trắc.

- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Hg, Cr, Cu, Tổng Hydrocacbon.

- Quy chuẩn áp dụng: so sánh với QCVN 43:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích (Cột giá trị giới hạn trầm tích nước mặt - Bảng 1).

c) Giám sát ảnh hưởng của hoạt động nạo vét tới chất lượng nước mặt

- Vị trí: 08 vị trí (K1 – K8) tại khu vực đầu tuyến kênh lấy nước nuôi thủy sản tiếp giáp đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó (QCB). Vị trí giám sát như tại Bảng 2:

Bảng 2. Bảng tọa độ vị trí giám sát chất lượng nước mặt

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 105°30', múi chiếu 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
K1	1064841,800	603173,854	Điểm giao nhau giữa kênh Quan Chánh Bó và sông Đường Cống thuộc xã Ngũ Lạc, tỉnh Vĩnh Long
K2	1065173,427	600382,185	Điểm giao nhau giữa kênh Quan Chánh Bó và sông Cây Xoài thuộc xã Ngũ Lạc, tỉnh Vĩnh Long
K3	1065435,785	598400,568	Điểm giao nhau giữa kênh Quan Chánh Bó và kênh La Bang thuộc xã Đôn Châu, tỉnh Vĩnh Long
K4	1064731,522	596604,110	Điểm giao nhau giữa kênh Quan Chánh Bó và tuyến kênh thuộc xã Long Vĩnh, tỉnh Vĩnh Long

Tên điểm	Hệ toạ độ VN 2000 (KTT 105°30', múi chiếu 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
K5	1064482,867	593040,458	Điểm giao nhau giữa kênh Quan Chánh Bó và rạch Bàu Xấu thuộc xã Đôn Châu, tỉnh Vĩnh Long
K6	1063696,361	591929,197	Điểm giao nhau giữa kênh Quan Chánh Bó và kênh Xẻo Bọng thuộc xã Long Vĩnh, tỉnh Vĩnh Long
K7	1063587,083	588647,469	Điểm giao nhau giữa kênh Quan Chánh Bó và sông Khoen thuộc xã Đôn Châu, tỉnh Vĩnh Long
K8	1062799,763	586594,238	Điểm giao nhau giữa kênh Quan Chánh Bó và tuyến kênh thuộc xã Long Vĩnh, tỉnh Vĩnh Long

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, Tổng dầu mỡ.
- Tần suất giám sát: 04 tuần/lần trong quá trình thi công nạo vét luồng.
- Số lượng: 02 mẫu/vị trí/lần quan trắc (buổi sáng, buổi chiều).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 2 - mức B).

d) *Giám sát ảnh hưởng do quá trình nhận chìm tới môi trường nước biển*

- Vị trí: 04 vị trí. Vị trí giám sát như tại Bảng 3:

Bảng 3. Bảng toạ độ vị trí giám sát chất lượng nước biển

Tên điểm	Hệ toạ độ VN 2000 (KTT 105°30', múi chiếu 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
SH1	1054194,544	624205,882	Điểm quan trắc, giám sát theo tuyến giám sát hướng về khu vực lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Dân Thành (nay là phường Duyên Hải, xã Trường Long Hòa, tỉnh Vĩnh Long) và khu bãi tắm Ba Động.
SH2	1060825,602	620792,695	
SH3	1049313,552	619663,829	Điểm quan trắc, giám sát theo tuyến giám sát hướng về khu vực lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Đông Hải, tỉnh Vĩnh Long.
SH4	1051031,022	610169,982	

- Tại mỗi điểm quan trắc, giám sát thực hiện lấy mẫu tại 2 tầng nước: Tầng mặt và tầng đáy.

- Thông số quan trắc: pH, DO, TSS, dầu mỡ khoáng.
- Tần suất quan trắc: 04 tuần /lần trong quá trình thi công nạo vét luồng.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (Bảng 1).

5.3. Giám sát khác

a) Giám sát thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

Giám sát khối lượng, biện pháp thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại trên các phương tiện và khu vực thi công; thực hiện phân loại và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Đơn vị chịu trách nhiệm: Tư vấn giám sát thi công.

b) Giám sát thu gom nước thải sinh hoạt

Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt trên các phương tiện thi công. Nhà thầu và Tư vấn giám sát báo cáo Chủ dự án định kỳ 01 tuần/lần; Chủ dự án định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ.

c) Giám sát sạt lở đường bờ khu vực thi công

Nhà thầu thường xuyên theo dõi hiện tượng sạt lở tại khu vực nạo vét; trường hợp xác định nguyên nhân do thi công, Chủ dự án yêu cầu tạm dừng thi công, tiến hành đền bù và khắc phục. Nhà thầu lập biên bản xử lý gửi Chủ dự án; Tư vấn giám sát thi công chịu trách nhiệm giám sát và báo cáo.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

6.1. Trong quá trình thi công nạo vét

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường kèm theo như sau:

- Thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định hiện hành.
- Chỉ được phép triển khai nạo vét, nhận chìm theo đúng địa điểm, diện tích, chuẩn tắc thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Hướng dẫn, phổ biến công tác bảo vệ môi trường tới toàn thể cán bộ công nhân viên tham gia thực hiện Dự án.
- Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho Dự án theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ trình Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ phê duyệt trước khi thi công Dự án; lắp đặt biển cảnh báo, chỉ dẫn tại khu vực nạo vét và phối hợp với cơ quan chức năng thông báo đến các chủ phương tiện vận tải thủy sử dụng tuyến luồng trong thời gian triển khai các hoạt động của Dự án. Thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công nạo vét.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn đắm và tàu thuyền, cháy, nổ, tràn dầu và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.2. Trong quá trình hoạt động nhận chìm ở biển

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường khi tiến hành hoạt động nhận chìm vật chất nạo vét ở biển như sau:

- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường của hoạt động nhận chìm, đảm bảo hoạt động nhận chìm không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước mặt, nước biển khu vực nạo vét, nhận chìm của Dự án và lân cận.

- Sử dụng phương tiện và thiết bị nhận chìm phù hợp, đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật hỗ trợ, đảm bảo chất nhận chìm ở biển không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước biển và hệ sinh thái biển khu vực.

- Các phương tiện thực hiện việc nhận chìm phải có thiết bị tự động nhận dạng (AIS) để cơ quan nhà nước quản lý, theo dõi và hỗ trợ giám sát hoạt động vận chuyển, nhận chìm chất nạo vét theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch quan trắc, giám sát chặt chẽ quá trình nhận chìm, chất lượng nước biển khu vực nhận chìm và lân cận, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong hồ sơ cấp phép nhận chìm, đảm bảo nguyên tắc sau: Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát 24/24 giờ đối với từng phương tiện tham gia nhận chìm chất nạo vét của nhà thầu; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước giám sát hành trình thông qua thiết bị tự động nhận dạng (AIS) trong thời gian nạo vét, vận chuyển và nhận chìm chất nạo vét.

- Chủ dự án và tổ chức, cá nhân đã thực hiện tính toán mô hình dự báo lan truyền vật chất nhận chìm chịu trách nhiệm về số liệu và kết quả tính toán, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường. Trong quá trình nạo vét, nhận chìm chất nạo vét nếu phát hiện thấy những dấu hiệu ô nhiễm bất thường thì phải dừng ngay hoạt động nhận chìm và báo cáo kịp thời về các cơ quan quản lý chức năng để xem xét, giải quyết./.